

## HOẠT ĐỘNG LÂM NGHIỆP TRÁI PHÉP VÀ KHÔNG BỀN VỮNG VÙNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TÂY NGUYÊN

VŨNG XUÂN TÌNH

Trong nhiều thập kỷ qua, mặc dù đã có cố gắng ngăn chặn lâm nghiệp của người ta vẫn chưa phát triển tương thích với kế hoạch và mong đợi. Cho đến nay, đã có không ít chính sách về lâm nghiệp được ban hành, song dường như chưa có chính sách nào có sức đột phá như *Khoán 10* trong nông nghiệp. Tại sao như vậy? Đây vẫn là câu hỏi lớn cho các nhà tạo lập chính sách, các nhà khoa học và hoạt động thực tiễn ở người ta. Bởi thế, nghiên cứu này sẽ góp phần tìm hiểu những khó khăn mà ngành lâm nghiệp đang đối diện, với việc xem xét các hoạt động lâm nghiệp trái phép và không bền vững ở vùng dân tộc thiểu số. Bài viết dựa trên kết quả điều tra thực địa tại khu vực Tây Nguyên vào cuối năm 2004, trong đó tập trung làm rõ ở hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum.

### I. THẾ NÀO LÀ “HOẠT ĐỘNG LÂM NGHIỆP TRÁI PHÉP VÀ KHÔNG BỀN VỮNG” ?

Mặc dù Chính phủ Việt Nam đã ban hành lệnh đóng cửa rừng vào năm 1997 do nạn khai thác quá mức và suy giảm rừng tự nhiên, song các hoạt động lâm nghiệp trái phép và không bền vững vẫn tiếp tục đe dọa sự sống của rừng. Kết quả của chính sách này là phân cung về gỗ của các lâm trường quốc doanh đã giảm từ 520.000 m<sup>3</sup> năm 1997 xuống còn 300.000 m<sup>3</sup> vào năm 2000. Cùng giảm, cùng với thiếu tập trung bảo vệ, thi hành luật pháp và hiệu quả quản lý đã làm gia tăng nạn khai thác gỗ lậu. Một đánh giá về các lâm trường quốc doanh năm 1999 (MARD, 1999) đã cho rằng trên thị trường Việt Nam có nhiều gỗ từ các nguồn trái phép hơn là từ nguồn hợp pháp. Tình hình này

có nhiều nguyên nhân, trong đó có việc các lâm trường không có khả năng ngăn chặn nạn khai thác gỗ trái phép và lấn chiếm đất rừng. Báo cáo của ngành lâm nghiệp năm 1991 đã ước tính rằng, từ năm 1986 - 1991, quy mô khai thác gỗ lậu đã tăng từ 1 đến 1,75 triệu m<sup>3</sup> (WB, 1991). Năm 2000, một báo cáo lâm nghiệp do ADB tài trợ đã ước tính số lượng gỗ được sử dụng bất hợp pháp tại Việt Nam có thể lên tới 1,3 triệu m<sup>3</sup>/năm (ADB, 2000). Còn vào năm 2003, Fraser ước tính mỗi năm Việt Nam bị mất khoảng 5-6 triệu m<sup>3</sup> gỗ tròn (Fraser, 2003).

Vậy thế nào là hoạt động lâm nghiệp trái phép và không bền vững? Theo Contreras - Hermosilla (Dẫn theo Bộ NN & PTNT, Dự án *Thúc đẩy phát triển rừng bền vững*, 2004), các hoạt động này rất đa dạng và có cả sự tham gia của người dân. Đó là việc khai thác trái phép ở những khu bảo tồn hay khu vực nhạy cảm về môi trường; khai thác các loài được bảo vệ; cấu trúc bất hợp pháp trên đất rừng đã có chủ; đốt rừng làm rẫy; vận chuyển lâm sản trái phép; buôn lậu lâm sản; chế biến gỗ công nghiệp trái phép... Có thể nêu ví dụ cụ thể về hoạt động lâm nghiệp trái phép và không bền vững như sau:

- *Lấn chiếm rừng trái phép và đốt phá rừng*: Đó là việc lấn chiếm rừng công cộng để làm nương rẫy hoặc chăn thả gia súc; đốt nương làm rẫy trên diện tích rừng lấn chiếm; xúi giục người khác lấn chiếm đất rừng để mua lại với giá rẻ; đốt phá rừng để chuyển đất rừng sang mục đích thương mại...

- *Khai thác trái phép*: Khai thác các loài trong danh sách được bảo vệ; bóc vỏ cây khiến cho cây chết để được khai thác hợp pháp; khai thác nhiều hơn mức cho phép; dùng lại giấy

phép để khai thác hai lần; khai thác trong khu vực bảo tồn; khai thác ngoài ranh giới cho phép; khai thác ở trong vùng cấm nh- vùng đất dốc, bờ sông và l- u vực sông...

- *Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép và buôn lậu gỗ*: Vận chuyển gỗ khai thác trái phép; vận chuyển gỗ không có giấy phép; buôn lậu gỗ; xuất nhập khẩu các loại gỗ đã bị luật pháp quốc tế cấm; xuất nhập khẩu gỗ vi phạm lệnh cấm của quốc gia.

- *Chế biến gỗ trái phép*: Hoạt động không có giấy phép chế biến; sử dụng bất hợp pháp gỗ trong chế biến.

Căn cứ vào khung hoạt động lâm nghiệp trái phép và không bền vững nêu trên, chúng tôi đã tiến hành điều tra sự vi phạm ở vùng các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Sở dĩ vùng này đ- ợc lựa chọn nghiên cứu là bởi tài nguyên rừng vẫn còn dồi dào và những vi phạm lâm luật trong thời gian qua khá phổ biến. Tuy nhiên, mối quan tâm của chúng tôi chỉ tập trung vào các cá nhân và tộc ng- ời trong vi phạm mà không tìm hiểu sự vi phạm đó liên quan đến các tổ chức của Nhà n- ớc; mặt khác, việc tìm hiểu cũng ch- a bao quát hết các nội dung trong khung hoạt động lâm nghiệp trái phép và không bền vững. Mục tiêu của nghiên cứu là xem xét các đối tượng bị ảnh hưởng bởi mỗi hoạt động trái phép hoặc không bền vững, đồng thời nêu lên một số biện pháp giải quyết vấn đề này.

Tài liệu thực địa trong bài viết chủ yếu dựa vào những thông tin đ- ợc cung cấp qua làm việc với các cơ quan lâm nghiệp và kiểm lâm; Chi cục Định canh Định c- ; một số lâm tr- ờng, chính quyền cấp huyện, xã và qua phỏng vấn ng- ời dân thuộc 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum vào cuối năm 2004.

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 1. Lấn chiếm rừng trái phép và đốt phá rừng

Hoạt động này còn khá phổ biến tại hai tỉnh Kon Tum và Gia Lai. Lấn chiếm rừng trái phép đ- ợc thực hiện d- ới nhiều hình thức:

- *C- trú bất hợp pháp trên đất rừng*: Đây là tình trạng c- trú của những ng- ời di dân tự do hoặc của dân tại chỗ sau khi bán đất ở, phải tìm nơi ở mới. Số liệu thống kê chính thức về vấn đề này của hai tỉnh ch- a có, song mọi ng- ời đều thừa nhận hiện tượng đó vẫn tồn tại ở địa phương. Ví dụ tại tỉnh Kon Tum, theo thông tin của Chi cục Định canh Định c- , từ năm 1995 - 2004 có khoảng 5.000 hộ di c- tự do đến tỉnh và hiện vẫn còn khoảng 3.000 hộ ch- a ổn định đời sống. Nh- vậy trong số 3.000 hộ này, luôn có nhu cầu mở rộng đất ở và đất canh tác. Đây cũng chính là lực lượng tiềm ẩn của những vi phạm. Tại Gia Lai, cũng theo báo cáo của Chi cục Định canh Định c- , từ năm 1995 đến nay, có khoảng 85.000 ng- ời di c- tự do đến tỉnh sinh sống. Trong số này, tỉnh mới hỗ trợ một số dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và phúc lợi công cộng. Đa số những ng- ời di c- tự do vẫn chủ yếu sống dựa vào rừng và thực tế, các cơ quan chức năng vẫn ch- a kiểm soát đ- ợc. Những ng- ời di dân tự do, nhất là các dân tộc sống ở vùng cao phía Bắc vốn có truyền thống canh tác nương rẫy nh- Hmông, Dao..., khi di c- vào Gia Lai và Kon Tum đều c- trú ở rừng sâu - th- ờng là khu vực rừng phòng hộ, rừng thuộc khu bảo tồn hoặc rừng sản xuất của các lâm tr- ờng. Tại đây, xác định vị trí c- trú là vô cùng quan trọng với mỗi gia đình và cộng đồng. Theo tập quán truyền thống, nơi họ c- trú phải đảm bảo các yếu tố nh- gần nguồn nước và gần nơi canh tác nương rẫy. Tóm lại, điều kiện tốt nhất cho c- trú vẫn là ở khu vực rừng già. Với các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên, một số hộ gia đình sau khi bán đất hoặc vì nhiều nguyên nhân khác mà thiếu đất, h- ớng giải quyết duy nhất cũng là vào sinh sống trong rừng sâu. Kiểu c- trú này còn thấy ở một số hộ ng- ời Kinh di c- tự do: khi họ lâm vào hoàn cảnh khó khăn, rừng cũng là nơi có thể c- u mang họ. Nghiên cứu thực địa tại Thôn 3,

xã Sơ Pai, huyện Kbang tỉnh Gia Lai cho thấy: ông Nguyễn Văn Đ. quê ở tỉnh Bình Định, trước khi mua đất ở khu đất để làm nhà ở hiện nay, ông và gia đình từng nhiều năm sống trong khu rừng cách Thôn 3 khoảng 5 km.

Việc xâm lấn đất rừng để cư trú bất hợp pháp như trên có ảnh hưởng tiêu cực tới các chủ rừng. Những người dân cư trú ở khu vực này chính là nguy cơ tiềm ẩn phá rừng - không chỉ làm nương rẫy, mà cả nhiều hoạt động lâm nghiệp bất hợp pháp như khai thác gỗ và các lâm sản phi gỗ, săn bắt động vật hoang dã. Qua phỏng vấn các lâm trường cho thấy, những khu vực rừng khó quản lý là nơi gần dân cư. Việc cư trú này còn là thách thức với các cấp chính quyền và ban ngành về công tác quản lý nhân sự, quản lý hoạt động ảnh hưởng đến phát triển lâm nghiệp bền vững. Tuy nhiên cho đến nay, dù có các cấp chính quyền và ngành chức năng vẫn chưa có giải pháp hữu hiệu để giải quyết triệt để tình trạng di cư tự do. Theo những người làm công tác quản lý về định canh định cư ở hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum, trong mấy năm gần đây, tình trạng di cư tự do vào địa phương có giảm, song nguyên nhân là bởi tình hình xã hội ở Tây Nguyên có chiều hướng phức tạp chứ không phải người dân nơi khác không muốn di cư tới. Một số biện pháp như dồn dân di cư tự do về bản quán, thực hiện cam kết không cho dân di cư tự do ở địa phương có người ra đi... tỏ ra kém hiệu quả và mới chỉ là biện pháp tình thế. Để thực hiện Quyết định 132 /CP của Thủ tướng Chính phủ, các địa phương cũng đã chủ động giải quyết vấn đề đất ở cho những hộ dân tộc thiểu số tại chỗ bị thiếu, vì thế sẽ góp phần hạn chế tình trạng cư trú trái phép trên đất rừng của họ. Tại huyện Kbang tỉnh Gia Lai, đến tháng 6 năm 2004 đã giải quyết đất ở cho 151/200 hộ dân tộc thiểu số tại chỗ bị thiếu.

- *Lấn chiếm đất rừng để xây dựng công trình bất hợp pháp*: Trường hợp này ít xảy ra và nếu có lại thường ở khu vực gần đô thị. Ví dụ, trong

46 trường hợp vi phạm lâm luật của huyện Kbang, tỉnh Gia Lai trong 9 tháng đầu năm 2004, chỉ có 1 trường hợp san ủi đất rừng bất hợp pháp (gần khu vực thị trấn Kbang) để làm quán bán hàng. Thực hiện lấn chiếm là một gia đình người Kinh sống ở khu vực thị trấn. Ngoài lâm trường có lâm phần bị ảnh hưởng, việc lấn chiếm này cũng tác động đến công tác quản lý quy hoạch đô thị của chính quyền thị trấn.

- *Phá rừng làm rẫy*: Đây là hoạt động còn thấy ở nhiều vùng cao tại Việt Nam, thậm chí diễn ra với cả những nơi được giao rừng (Lê Quang Minh, 1999, tr. 23). Tại Tây Nguyên, một số địa bàn thuộc các huyện Sa Thầy, Kon Rẫy (Kon Tum) và Ia Grai (Gia Lai) được đánh giá là điểm nóng của tình trạng này, bởi nơi đây có khu vực vườn quốc gia, đất đai thuận lợi cho canh tác nương rẫy. Việc phá rừng làm rẫy có hai hình thức: i. Phá rẫy mới, và ii. Mở rộng thêm diện tích của rẫy cũ. Hình thức thứ nhất thường dẫn tới mất rừng với diện tích lớn, song dễ thấy và dễ xử lý. Hình thức thứ hai thường chỉ bị mất rừng ít một, song lại bị lấn dần và khó phát hiện. Tại tỉnh Gia Lai, từ năm 2000 đến tháng 8 năm 2004 đã có 753 vụ phá rừng làm rẫy, với diện tích 614,6 ha. Với tỉnh Kon Tum, trong năm 2003 vẫn có 81 vụ phá rừng làm rẫy, làm thiệt hại 30,4 ha rừng. Tuy nhiên cần nhận thấy, những con số trên đây của cơ quan kiểm lâm của 2 tỉnh còn ít hơn thực tế rất nhiều. Với các vụ người dân lấn chiếm đất rừng để mở rộng rẫy cũ thường ít bị phát hiện và nếu phát hiện được thì các chủ rừng cũng không đưa vào hệ thống thống kê của cấp huyện hay tỉnh. Ví dụ, tại xã Sơ Pai huyện Kbang, trong 9 tháng của năm 2004 có 9 vụ lấn chiếm đất rừng để mở rộng rẫy cũ với diện tích khoảng 800 m<sup>2</sup>, song những con số này chỉ có ở cấp xã mà không được thống kê ở cấp huyện. □ tỉnh Đắk Lắk, việc phá rừng làm rẫy còn diễn ra ngay tại khu rừng được giao thử nghiệm cho các nhóm hộ (Trần Ngọc Thanh, 2003).

Phá rừng làm rẫy th- ờng do c- dân tại chỗ và dân di c- tự do thực hiện. Với c- dân tại chỗ nh- các dân tộc Ê đê, Gia rai, Ba na, Xơ đăng..., canh tác n- ong rẫy là truyền thống lâu đời của họ. Hầu hết các dân tộc này mới chuyển sang làm một số ruộng n- ớc kể từ sau năm 1975 và cho đến nay, kinh nghiệm làm ruộng n- ớc của họ vẫn hạn chế, bởi vậy năng suất lúa n- ớc còn thấp (Bùi Minh Đạo, 1999, tr. 140-161). Ngoài ra, có một số hộ gia đình do bán đất canh tác — th- ờng là đất tốt, hoặc một số hộ mới tách hộ nên bị thiếu đất, buộc phải tìm đất làm rẫy. Với những ng- ời di c- tự do khi đến vùng đất mới, giải pháp tốt nhất cho họ cũng là làm rẫy, bởi họ th- ờng thiếu tiền để mua đất canh tác. Mặt khác, việc mở mang ruộng n- ớc cũng không dễ dàng vì khó tìm đ- ợc nơi khai thác thuận lợi và chi phí khai thác th- ờng khá lớn.

Phá rừng làm rẫy đã gây thiệt hại cho các chủ rừng nh- lâm tr- ờng, ban quản lý rừng phòng hộ hay khu bảo tồn... Thiệt hại tr- ớc hết là làm suy giảm nguồn rừng. Phá rừng làm rẫy có thể triệt hạ cả diện tích khá lớn và khả năng phục hồi nguồn rừng rất lâu, tác động không chỉ tới điều kiện kinh tế của các chủ rừng mà còn ảnh h- ưởng xấu đến môi tr- ờng, nhất là với rừng phòng hộ. Mặt khác, phá rừng làm rẫy gây nên tình trạng bất ổn cho công tác quản lý rừng: Dựa vào các rẫy đã đ- ợc phát, việc phá rừng làm rẫy có thể tiếp tục đ- ợc mở rộng thêm, hoặc gỗ trong rừng bị lợi dụng chặt phá. Không ít ng- ời khai thác trái phép dựa vào quy định cho phép thu gom gỗ bị chặt phá do phát rừng làm rẫy để tiến hành khai thác bất hợp pháp. Về trách nhiệm quản lý, việc phá rừng làm rẫy ảnh h- ưởng đến các cấp chính quyền, đến cơ quan chức năng nh- kiểm lâm hay Chi cục Định canh Định c-, bởi theo *Quyết định 12* của Thủ t- ớng Chính phủ, địa ph- ơng nào xảy ra tình trạng phá rừng làm rẫy và những vi phạm lâm luật khác thì phải chịu trách nhiệm. Việc phá rừng làm rẫy còn ảnh h- ưởng tới kế hoạch định canh định c- ở địa ph- ơng.

Để khắc phục tình trạng phá rừng làm rẫy, các cấp chính quyền, Ban Định canh Định c- của các tỉnh đã triển khai nhiều Dự án thuộc *Ch- ong trình 135* và đặc biệt là *Ch- ong trình 132* của Chính phủ. Tại tỉnh Kon Tum, từ năm 1993 đến năm 2002, mỗi năm Nhà n- ớc đầu t- 49.640 triệu đồng cho công tác định canh định c-; ngoài ra, tỉnh còn lồng ghép một số dự án khác với công tác này, nh- dự án quy hoạch cơ sở hạ tầng, vốn Nhà n- ớc đầu t- cho các buôn làng khu vực I và II gặp khó khăn (mức đầu t- t- ong đ- ong nh- khu vực III). Bên cạnh đó, Nhà n- ớc còn chú trọng đầu t- cho các dân tộc tại chỗ đặc biệt khó khăn nh- Brâu, Romã với kinh phí trên 6.000 triệu đồng. Tại huyện Konplong của tỉnh Kon Tum, thực hiện *Quyết định 132 /CP* của Thủ t- ớng Chính phủ, trong 8 tháng của năm 2004, huyện đã giao 357 ha đất ở và đất sản xuất cho đồng bào dân tộc tại chỗ thuộc 9 xã trong huyện, đạt gần 60 % kế hoạch trong năm. Tại tỉnh Gia Lai, đến năm 2004, tỉnh đã thực hiện kế hoạch định canh định c- cho 85% số hộ (chủ yếu là đồng bào dân tộc tại chỗ). □ huyện Kbang trong tỉnh, 6 tháng đầu năm 2004 đã chi 1.450 triệu đồng cho công tác định canh định c- ở 9 làng của đồng bào dân tộc tại chỗ thuộc 5 xã, với 385 hộ — 1.816 nhân khẩu. Tuy nhiên, việc chi phí cho công tác định canh định c- chủ yếu tập trung vào cơ sở hạ tầng, nh- làm đ- ờng làng, làm nền nhà, xây dựng nguồn n- ớc... mà ít đầu t- cho phát triển sản xuất.

## 2. Khai thác trái phép

Do hạn chế về t- liệu nên trong phần này, chúng tôi chủ yếu trình bày việc khai thác gỗ trái phép. Gỗ bị khai thác trái phép th- ờng là loại có giá trị, từ nhóm 1 đến nhóm 6. Trong những năm gần đây, do gỗ nhóm 1, 2 và 3 ngày càng khan hiếm nên hiện nay, gỗ nhóm 4 - 6 là đối t- ợng chính bị khai thác trái phép. Việc khai thác gỗ trái phép ở hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum

chủ yếu diễn ra dưới 2 hình thức: phục vụ mục đích sử dụng và mục đích thương mại.

Đối tượng khai thác để phục vụ mục đích sử dụng chủ yếu là các dân tộc tại chỗ và dân di cư tự do. Cho đến nay, nhu cầu sử dụng gỗ và lâm sản ngoài gỗ của các dân tộc này vẫn còn rất lớn. Với các dân tộc tại chỗ như Ê đê, Ba na, Gia rai, để làm một căn nhà, họ cần từ 4-5 m<sup>3</sup> gỗ. Còn với ngôi nhà của người Tày — dân di cư tự do từ miền núi phía Bắc vào đây — một ngôi nhà to của họ phải tiêu tốn hết 14-16 m<sup>3</sup> gỗ. Ngoài gỗ làm nhà, dân địa phương còn dùng gỗ để xây dựng những công trình khác như kho chứa thóc; chuồng gia súc, gia cầm; làm đồ gia dụng; làm hàng rào ven hoặc rẫy; làm cọc tiêu... Còn các lâm sản ngoài gỗ cũng được sử dụng với mục đích khác nhau, như trong xây dựng nhà cửa, làm đồ gia dụng; làm thức ăn, đồ uống; làm thuốc chữa bệnh. Khảo sát ở thôn Kon Riêng, xã Daklong, huyện Konplong, tỉnh Kon Tum cho thấy: người Ba na ở đây dùng 27 loại gỗ và lâm sản ngoài gỗ để xây dựng; dùng 33 các loại thực vật (ngọn, lá, thân, hoa, quả, củ của cây rừng) làm nguồn thức ăn; và dùng 8 loại cây làm thuốc chữa bệnh. Cần nói thêm rằng, đây chỉ là thống kê sơ bộ và chắc chắn số lượng thực tế còn cao hơn nhiều.

Để làm nhà hay làm đồ gia dụng, người dân địa phương vẫn tự do vào rừng của lâm trường, ven quốc gia hay rừng phòng hộ để khai thác mà không hỏi ý kiến chủ rừng. Về nguyên tắc, hành vi đó bị coi là khai thác trái phép, song tập quán này lại có từ lâu đời — với cả dân tại chỗ và dân di cư tự do. Theo tập quán của các dân tộc này, chỉ trừ rừng thiêng, rừng ma, rừng đầu nguồn mà cộng đồng đã có quy định bảo vệ, họ có thể tự do khai thác sản phẩm rừng ở quanh khu vực cư trú. Từ sau năm 1975 đến nay, các lâm trường ở khu vực Tây Nguyên vẫn mặc nhiên thừa nhận thói quen đó, và như vậy, đã tồn tại hình thức “đồng sử dụng” của lâm trường và dân địa phương với một số sản phẩm rừng

thuộc phạm vi lâm trường quản lý. Phỏng vấn một lãnh đạo lâm trường ở huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, chúng tôi được biết: cho đến giờ, lâm trường chưa bắt giữ một trường hợp nào khai thác gỗ trái phép với mục đích sử dụng. Vừa qua, chính quyền các tỉnh đã triển khai Quyết định 154/CP của Chính phủ về hỗ trợ gỗ làm nhà cho đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn. Theo cách triển khai, như ở tỉnh Gia Lai, người dân muốn khai thác gỗ làm nhà phải thực hiện qua 4 công đoạn, với 8 loại giấy tờ. Song vẫn theo vị lãnh đạo của lâm trường đã nêu, chưa có trường hợp nào xin khai thác gỗ của lâm trường bằng cách đó, bởi người dân thấy quá phức tạp. Tại tỉnh Kon Tum, tình trạng này cũng tương tự. Khi làm việc với Hạt kiểm lâm của huyện Kon Plong, chúng tôi được biết: Người dân trong huyện vẫn tự do khai thác gỗ trong các cánh rừng của Nhà nước để làm nhà và mỗi căn nhà — tính phải sử dụng từ 5-6 m<sup>3</sup> gỗ. Như vậy, có thể xem việc khai thác gỗ trái phép của người dân Tây Nguyên với mục đích sử dụng vẫn tiếp tục diễn ra. Việc khai thác này thường được thực hiện với tất cả các loại nhóm gỗ, ở mọi nơi có thể khai thác và chủ yếu được khai thác trong rừng do cơ quan nhà nước quản lý.

Khác với trường hợp khai thác phục vụ mục đích sử dụng, đối tượng khai thác gỗ phục vụ mục đích thương mại thường là người Kinh sinh sống tại địa phương, hoặc nhóm người có cả người Kinh và dân tộc sống tại. Trong một nghiên cứu, Huỳnh Thu Ba (1998, tr. 67) cho biết, dân tại chỗ Tây Nguyên đôi khi được các đối tượng khai thác gỗ chuyên nghiệp từ bên ngoài thuê nhằm nhận định vị trí và cây gỗ thích hợp để khai thác. Theo điều tra của chúng tôi, tại huyện Kbang của tỉnh Gia Lai, trong 9 tháng của năm 2004 có 10 vụ khai thác trái phép bị kiểm lâm bắt giữ, chỉ 2 vụ có người dân tộc thiểu số tham gia, song họ đều kết hợp với người Kinh. Sở dĩ người Kinh tham gia chủ yếu khai thác gỗ trái phép vì mục đích thương mại bởi họ

nắm đ- ọc thị tr- ờng buôn lậu gỗ; mặt khác, họ có nhiều mảnh lối để trốn tránh kiểm soát của các cơ quan chức năng. Tuy nhiên, để tổ chức khai thác trái phép, có khi ng- ời Kinh cũng thuê ng- ời dân tộc thiểu số. Những ng- ời Kinh này có thể sinh sống đã lâu tại địa ph- ơng, song có khi từ nơi khác tới làm ăn và dựa vào sự bảo trợ, giúp đỡ của ng- ời thân. Trong khai thác trái phép, có một nhân vật rất quan trọng là *đầu nậu* — kẻ đóng vai trò tổ chức, song đều giấu mặt và khó bắt giữ. Vẫn lấy ví dụ ở huyện Kbang, trong 9 tháng của năm 2004, trong số 44 vụ khai thác và vận chuyển gỗ trái phép mà kiểm lâm bắt đ- ọc, chỉ có 1 tr- ờng hợp bị nghi là *đầu nậu*.

Khai thác gỗ trái phép phục vụ cả hai mục đích nêu trên chủ yếu do cá nhân thực hiện. Tuy nhiên, một số tập thể cũng tham gia, nh- vụ khai thác trái phép ở v- ườn quốc gia KonKaKinh thuộc địa phận 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum, làm mất trên 700 m<sup>3</sup> gỗ từ nhóm 1 đến nhóm 7. Trong vụ này, cơ quan nhà n- ớc và tổ chức t- nhân là đồng phạm. Tại tỉnh Gia Lai, lâm tr- ờng Kon Hδέ và Đ- ội khai thác thuộc Công ty Hàm Rồng cũng vi phạm quy trình khai thác và vào cuối năm 2004 đã bị cơ quan công an điều tra để xử lý. □ tỉnh Kon Tum, lâm tr- ờng Măng La đã chặt hạ ngoài khu khai thác và chặt cây không có dấu búa với khối l- ượng 70 m<sup>3</sup>...

Theo số liệu của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum, trong năm 2003, toàn tỉnh có 119 vụ khai thác rừng trái phép. Tuy ch- a phân loại cụ thể, song Chi cục cho biết, phần lớn các vụ khai thác trái phép đều phục vụ mục đích th- ơng mại. Còn tại tỉnh Gia Lai, vẫn theo số liệu của Chi cục Kiểm lâm, từ năm 2000 đến tháng 8 năm 2004, có 1.847 vụ khai thác rừng trái phép. Số liệu này cũng ch- a phân loại mục đích khai thác, song có thể suy đoán việc khai thác cho buôn bán là chủ yếu.

Đối t- ợng chịu ảnh h- ưởng trực tiếp của khai thác gỗ trái phép tr- ớc hết vẫn là các chủ rừng. Nếu nh- phá rừng trái phép để làm nhà hoặc

canh tác n- ơng rẫy ảnh h- ưởng nhiều đến lâm sinh thì khai thác gỗ trái phép lại làm suy giảm nguồn gỗ có giá trị. Việc khai thác này cũng ảnh h- ưởng tới tình hình trật tự trị an địa ph- ơng, ảnh h- ưởng công tác quản lý và bảo vệ rừng của lực l- ợng kiểm lâm. Ngoài ra, chính ng- ời dân sở tại cũng chịu tác động tiêu cực của nạn khai thác trái phép. Vẫn tại thôn Kon Riêng đã nêu, trong khoảng gần 10 năm lại đây, nguồn gỗ quý đã bị cạn kiệt. Tr- ớc năm 2000, các cây gỗ tốt nh- ổi, thông nàng, xoan đào còn khá nhiều, song đến cuối năm 2004 đã gần vắng bóng. Tất nhiên sự cạn kiệt có nhiều lý do, song phải kể tới việc khai thác trái phép.

Nguyên nhân chính của tình trạng khai thác gỗ trái phép là lợi nhuận cao. Theo thông tin của Hạt Kiểm lâm huyện Kbang tỉnh Gia Lai, vào thời điểm cuối năm 2004, 1 “chân” (một thanh) gỗ trắc (10 x 10 x 40 cm) khai thác ở trong rừng, nếu mua tại cửa rừng chỉ khoảng 10.000 đ, song mang đến nơi tiêu thụ (thị trấn, thành phố) sẽ có giá khoảng 40.000 đ. Nh- vậy, giả sử một nam giới có sức khoẻ bình th- ờng đi rừng trong một ngày, chỉ cần kiếm được 4 chiếc “chân” rồi cho vào túi xách và chở bằng xe đạp để mang bán, cũng đ- ọc khoảng 160.000 đ. Với số tiền này, anh ta sẽ mua đ- ọc khoảng 40 kg gạo và nếu làm việc đó trót lọt trong một tháng, phải đ- ọc hàng tấn gạo. Trong khi đó, giả sử gia đình anh ta (vợ chồng và hai con) sản xuất nông nghiệp, nếu làm 1 ha lúa rẫy thì cả năm chỉ thu đ- ọc khoảng 1 tấn gạo.

Bên cạnh lợi nhuận cao, nghèo đói cũng là nguyên nhân để khai thác gỗ trái phép. Cuộc sống thiếu thốn đã đẩy một số ng- ời dân vào vòng tội lỗi, khi mà các *đầu nậu* sẵn sàng trả công hấp dẫn để họ khai thác (và vận chuyển) thuê. Còn ch- a kể những đối t- ợng nghiện hút thiếu tiền nên sẵn sàng làm bất cứ việc gì có thu nhập. Lãnh đạo xã Sơ Pai, huyện Kbang cho biết, tr- ớc năm 2002, có lúc cả xã có tới 30-40 con nghiện với thành phần rất đa dạng: có cả

ng-ời Kinh, ng-ời dân tộc thiểu số di c- tự do. Những đối t-ợng này đ-ợc xem là hay khai thác gỗ trái phép nhất.

### 3. Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép và buôn lậu gỗ

Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép và buôn lậu gỗ tại 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum th-ờng quan hệ chặt chẽ. Những vụ vi phạm mà kiểm lâm hay các cơ quan chức năng bắt giữ đều bao gồm cả 3 hành vi này. Nói cách khác, những vụ vi phạm trong vận chuyển gỗ trái phép bị bắt giữ đều có mục đích th-ơng mại, tức buôn bán trái phép hoặc buôn lậu. Theo thống kê của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Gia Lai, từ năm 2000 đến tháng 8 năm 2004, cả tỉnh có 9.400 vụ vận chuyển, mua bán trái phép lâm sản (chủ yếu là gỗ nhóm 1 đến nhóm 8), trong đó có 9.439 m<sup>3</sup> gỗ tròn (với 349 m<sup>3</sup> gỗ quý hiếm), 4.910 m<sup>3</sup> gỗ xẻ (1.935 m<sup>3</sup> gỗ quý hiếm). Còn ở tỉnh Kon Tum, trong năm 2003, có 242 vụ vận chuyển, mua bán trái phép gỗ và lâm sản. Vận chuyển và buôn bán gỗ chủ yếu là ng-ời Kinh, bởi họ có vốn, thạo kinh doanh và có quan hệ rộng. Thống kê của Hạt Kiểm lâm huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cho thấy: trong số 46 vụ vi phạm lâm luật mà Hạt xử lý vào 9 tháng năm 2004, có tới 35 vụ vận chuyển và buôn bán gỗ trái phép. Trong số này, có 4 tr-ờng hợp là vô chủ (ng-ời vi phạm bị phát hiện đã bỏ trốn); số còn lại, ng-ời vi phạm đều là dân tộc Kinh. Đối t-ợng vi phạm có nguồn gốc đa dạng: có thể c- trú tại địa ph-ơng hay từ đồng bằng lên làm ăn theo mùa vụ. Vận chuyển gỗ để buôn bán trái phép đ-ợc thực hiện bằng nhiều ph-ơng tiện, nh- xe đạp, xe máy, xe công nông, ô tô.

Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép và buôn lậu gỗ th-ờng gắn với khai thác gỗ trái phép do mục đích th-ơng mại, vì thế, đối t-ợng chịu thiệt hại tr-ớc hết vẫn là chủ rừng. Hoạt động này còn bị chi phối bởi thị tr-ờng gỗ, hay đúng hơn là bởi nhu cầu sử dụng. Gần đây, tốc độ đô thị hoá ngày càng gia tăng khiến nhu cầu sử

dụng gỗ trong xây dựng và đồ gia dụng rất phát triển; mặt khác, còn có nhu cầu gỗ của thị tr-ờng khu vực và thế giới. Các yếu tố này có ảnh h-ởng tới vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép và buôn lậu gỗ hiện nay.

### 4. Chế biến gỗ trái phép

Chế biến gỗ trái phép th-ờng diễn ra ở các cơ sở tại thị trấn, thị xã và thành phố. Gỗ chế biến trái phép ở đây th-ờng đ-ợc mua của ng-ời buôn bán gỗ trái phép. Nh- vậy, việc khai thác — buôn bán — chế biến gỗ trái phép có mối liên hệ chặt chẽ. Không thiếu tr-ờng hợp ng-ời khai thác và vận chuyển gỗ trái phép chỉ đi làm thuê cho ng-ời buôn bán trái phép. Sau nữa, ng-ời buôn bán gỗ trái phép lại có liên hệ mật thiết với ng-ời chế biến trái phép. Tại tỉnh Gia Lai, từ năm 2000 đến tháng 8 năm 2004, có 264 vụ vi phạm quản lý nhà n-ớc về chế biến lâm sản, trong đó có nhiều vụ tiêu thụ gỗ khai thác trái phép. Còn ở tỉnh Kon Tum, trong năm 2003 chỉ có 8 vụ vi phạm quản lý nhà n-ớc về chế biến gỗ và lâm sản.

Những cơ sở chế biến nêu trên có cả doanh nghiệp nhà n-ớc, song phần lớn là doanh nghiệp t- nhân. Việc chế biến này có ảnh h-ởng nhất định tới hoạt động vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép và buôn lậu gỗ, bởi nguồn gỗ của các hoạt động đó một phần đ-ợc ng-ời tiêu dùng tiêu thụ trực tiếp và phần khác thông qua chế biến tr-ớc khi bán trên thị tr-ờng.

### III. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu ở 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum cho thấy, các hoạt động lâm nghiệp trái phép và không bền vững vẫn tồn tại, trong đó việc *phá rừng làm rẫy, khai thác, vận chuyển và buôn bán gỗ trái phép* đ-ợc xem là những yếu tố gây ảnh h-ởng nặng nề tới phát triển lâm nghiệp bền vững. Nguyên nhân chủ yếu là do các địa ph-ơng vẫn ch- a có biện pháp hữu hiệu để khống chế và quản lý tình trạng di dân tự do. Mặt khác, vì tốc độ đô thị hoá ngày càng gia tăng

nên thị trường gỗ càng phát triển, thậm chí cầu vượt quá cung. Hai nguyên nhân này sẽ còn tác động tiêu cực đến phát triển rừng bền vững ở Tây Nguyên.

Ngăn chặn hoạt động lâm nghiệp trái phép và không bền vững tại Tây Nguyên hiện nay còn có một số khó khăn sau đây: i) Việc thực hiện chế tài ở cơ sở vẫn gặp nhiều trở ngại; địa hình ở cơ sở thường rộng, khó kiểm soát trong khi lực lượng bảo vệ rừng của các chủ rừng lại ít. ii). Dân cư ở nhiều xã khá phức tạp bởi đa thành phần; dân cư tự do và lâm tặc thường trà trộn, trong khi chính quyền cấp xã khó nắm bắt các đối tượng này. iii). Người dân địa phương có ý thức phòng chống tội phạm trong hoạt động lâm nghiệp trái phép và không bền vững. Mặt khác, tính cộng đồng cao của dân địa phương khiến họ dễ dàng bao che nhau khi vi phạm. iv). Kiểm lâm là lực lượng nòng cốt trong ngăn ngừa hoạt động lâm nghiệp trái phép và không bền vững song quyền hạn địa phương chưa đủ mạnh để thực hiện các biện pháp chế tài; mặt khác, hoạt động của kiểm lâm địa bàn còn kém hiệu quả.

Để ngăn chặn các hoạt động lâm nghiệp trái phép và không bền vững, cần tăng cường và bổ sung một số biện pháp như sau:

1. Giải quyết có hiệu quả vấn đề di dân tự do: Trong khi phải ngăn chặn các làn sóng di dân mới, cần kiểm soát những người di dân tự do đang sinh sống tại địa phương. Để làm tốt việc đó, phải kiểm soát hộ khẩu và có giải pháp đất đai cho họ (kể cả cho mượn hay thuê đất). Thông qua tạo điều kiện pháp lý, sẽ khoanh vùng, kiểm tra, kiểm soát được đối tượng.

2. Cần đẩy mạnh công tác định canh định cư và phát triển nông thôn với dân cư tại chỗ; đảm bảo cho họ có đủ đất canh tác theo đúng tinh thần của Quyết định 132/CP của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó, cần thực hiện tốt việc khoanh vùng sản xuất rừng rẫy; đẩy mạnh giao rừng và khoán bảo vệ rừng.

3. Tăng cường giáo dục ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ rừng cho người dân địa phương. Trong công tác này, kiểm lâm cần phối hợp chặt chẽ với tổ chức đoàn thể và ngành giáo dục. Cần xác định các đối tượng có nguy cơ tiềm ẩn trong phá rừng làm rẫy, khai thác trái phép và buôn lậu gỗ để giáo dục, kiểm soát và răn đe.

4. Khuyến khích và tạo điều kiện kinh phí để các chủ rừng phát triển hình thức khoán cho người dân trông coi, bảo vệ.

5. Tăng cường vai trò của kiểm lâm bằng cách trao cho lực lượng này thêm một số quyền (sử dụng vũ khí có giới hạn để tự vệ, quyền tạm giam đối tượng vi phạm). Nâng cao vai trò của Ban Lâm nghiệp xã, cấp chế độ kinh phí cho Ban hoạt động. Tăng cường một số trang thiết bị cho kiểm lâm, nhất là kiểm lâm địa bàn.

6. Có văn bản liên Bộ hướng dẫn triển khai, phối hợp giữa kiểm lâm với công an và quân đội trong công tác truy quét ở vùng giáp ranh của các huyện trong mỗi tỉnh và vùng giáp ranh giữa các tỉnh. Trong truy quét kẻ vi phạm, công an sẽ chỉ huy trực tiếp lực lượng liên ngành. Tăng cường chốt chặn ở những khu vực nhạy cảm, nhất là vùng giáp ranh giữa các tỉnh, huyện, xã...

7. Điều tra, xác định và khống chế các đối tượng *dầu nậu* trong buôn bán gỗ trái phép.

8. Tăng cường kiểm tra xuất, nhập lâm sản tại cơ sở chế biến để phát hiện kịp thời việc đưa gỗ bất hợp pháp trong chế biến lâm sản.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

ADB. 2000. *Study on the policy and institutional framework for forest resources management*, Annex 4 on Economic and Financial Viability of Commercial Forestry (ADB TA 3255-VIE).

Huỳnh Thu Ba. 1998. *Di dân và sử dụng tài nguyên*. Quỹ quốc tế và bảo vệ thiên nhiên, Chương trình Đông D-ơng.

Bộ NN & PTNT, Dự án *Thúc đẩy phát triển rừng bền vững*. 2004. Văn kiện dự án.

Bùi Minh Đạo. 1999. *Trồng trọt truyền thống của các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên*. Nxb. Khoa học xã hội, H.

Fraser, 2003. *Forestry sector policy challenges in Vietnam: A way forward* (Paper prepared for the Program Steering Committee Meeting of the Forest Sector Support Program, 5 th December 2003).

Lê Quang Minh. 1999. *Kiến thức bản địa của một số dân tộc thiểu số trong việc quản lý sử dụng đất ở miền núi A L-ơi*, Huế. Tài liệu tại Hội thảo Quốc gia “Nghiên cứu về Phát triển bền vững ở các vùng miền núi Việt Nam”, Hà Nội, Nxb. Nông nghiệp

MARD, 1999. *Evaluation of State forest enterprises*, Working paper No.2 Natural forest management (TA 2852-VIE Forestry sector project).

Trần Ngọc Thanh. 2003. *Phân quyền có ảnh hưởng đến tổ chức quản lý rừng của địa phương hay không ? (Nghiên cứu tại tỉnh Đắk Lắk)*. Tc. Dân tộc học, Số 4.

V-ơng Xuân Tình. 2004. *Đánh giá các bên có liên quan và bị tác động của hoạt động khai thác trái phép và lâm nghiệp không bền vững*. Dự án *Thúc đẩy quản lý rừng bền vững*, Bộ NN & PTNT. Báo cáo t- vấn Khoa học xã hội.

WB, 1991. *Vietnam forest sector review 1991*, Report.